



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP COMA 18

Ngày 30/09/2025	8,940 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	4.0%	-0.8%

DT thuần Q3/25
62.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼183 -74.5%
YoY: ▲ 52.2 497%

LN thuần Q3/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼61.3 -85.6%
YoY: ▲ 10.3 6800%

LN sau thuế Q3/25
9.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -52.8%
YoY: ▲ 8.63 731%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
15.7%
YoY: +/-▲ 4.4%

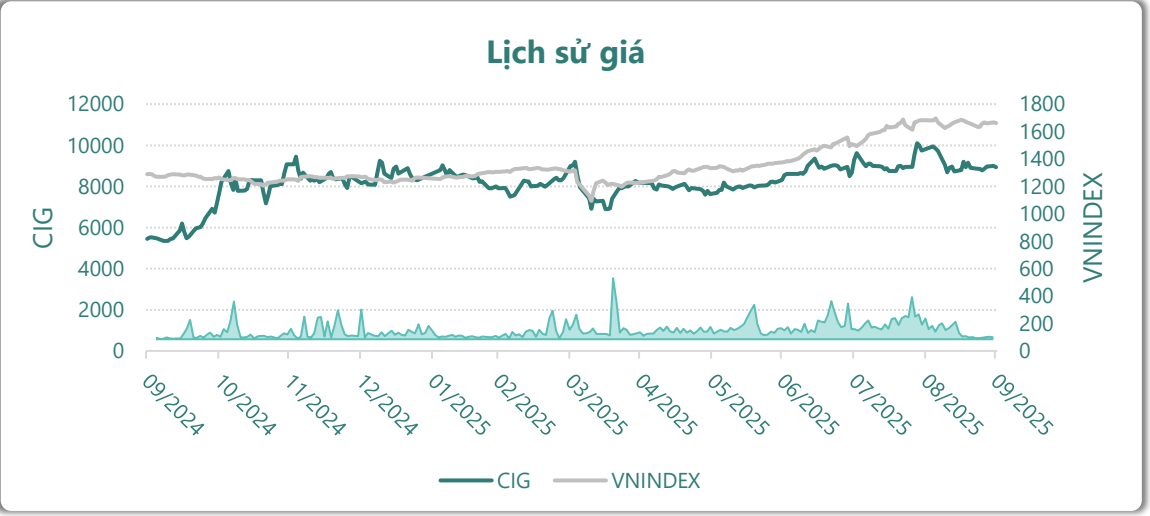
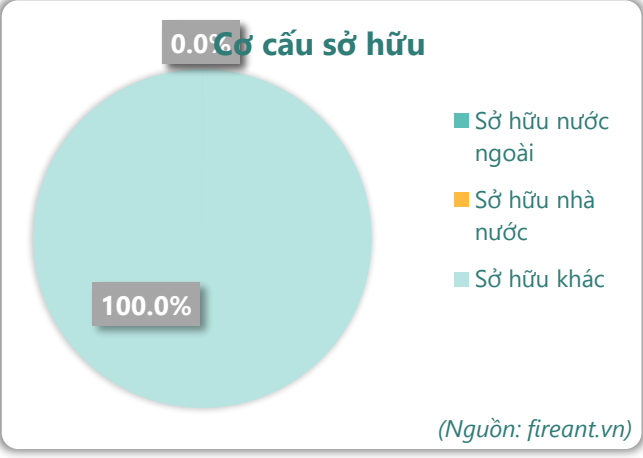
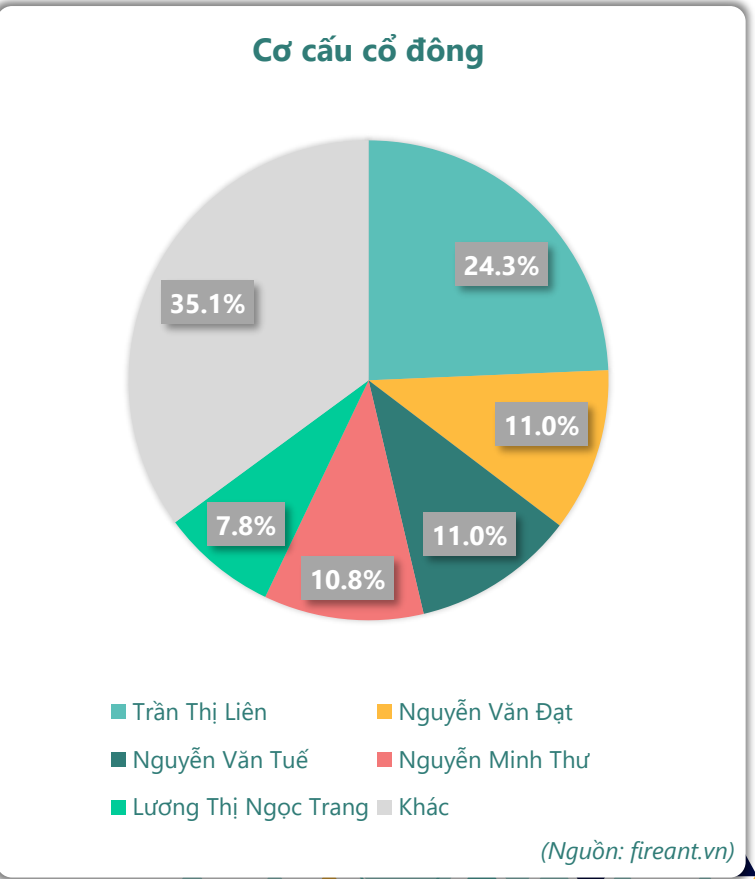
ROE (TTM) Q3/25
40.9%
YoY: +/-▲ 2.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,350 - 10,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	456
Số lượng CPLH (CP)	51,039,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	148,135
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.79
EPS	1,869
P/E	4.8

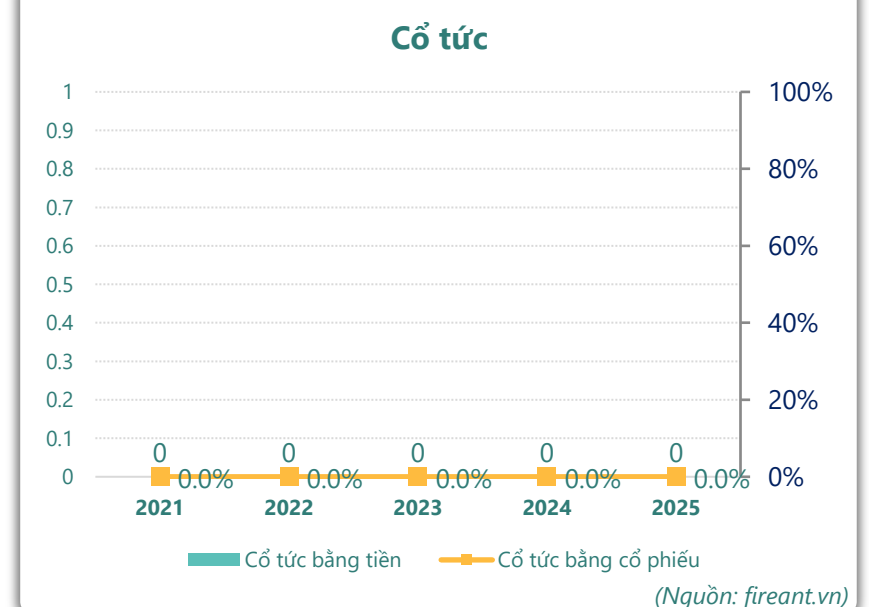
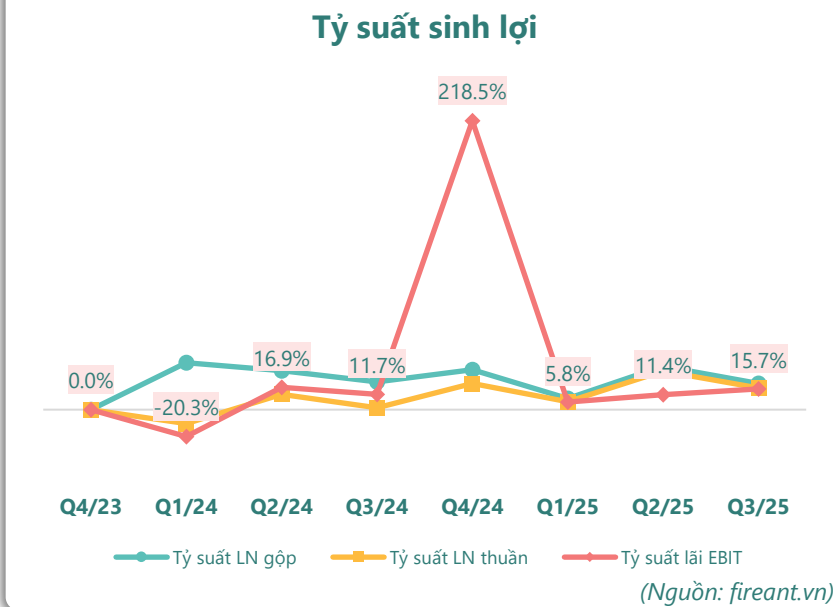
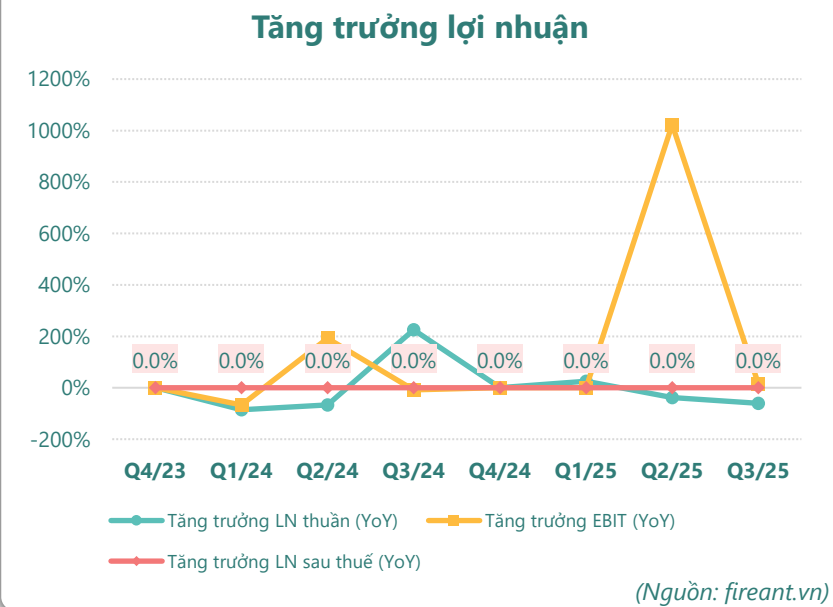
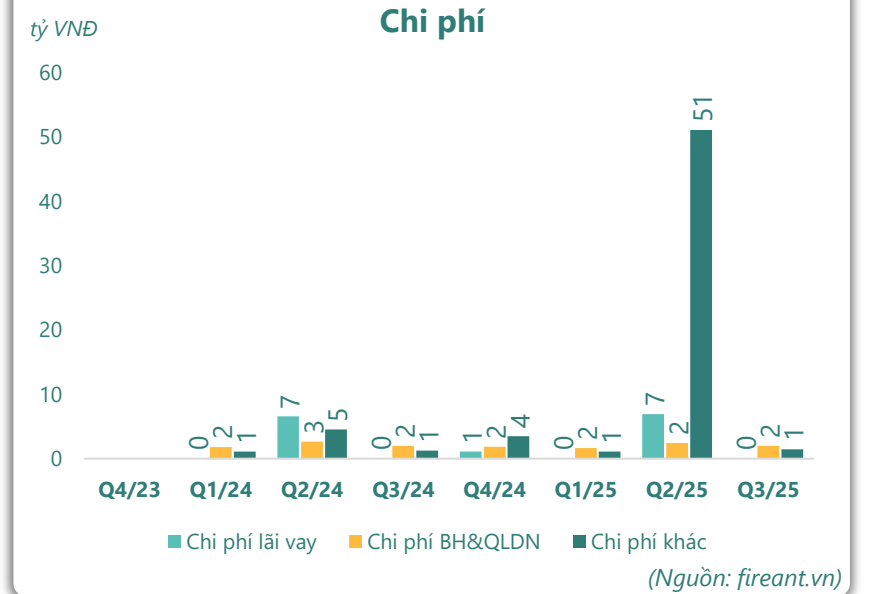
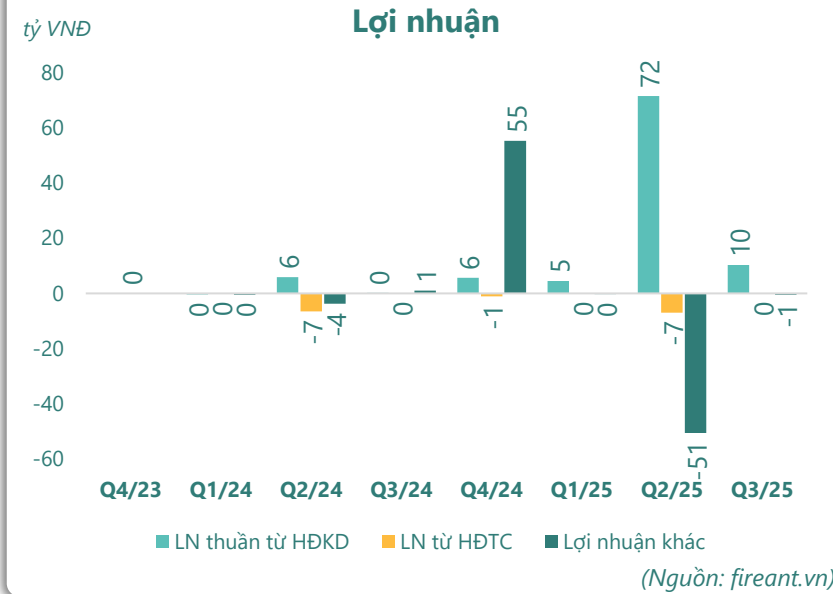
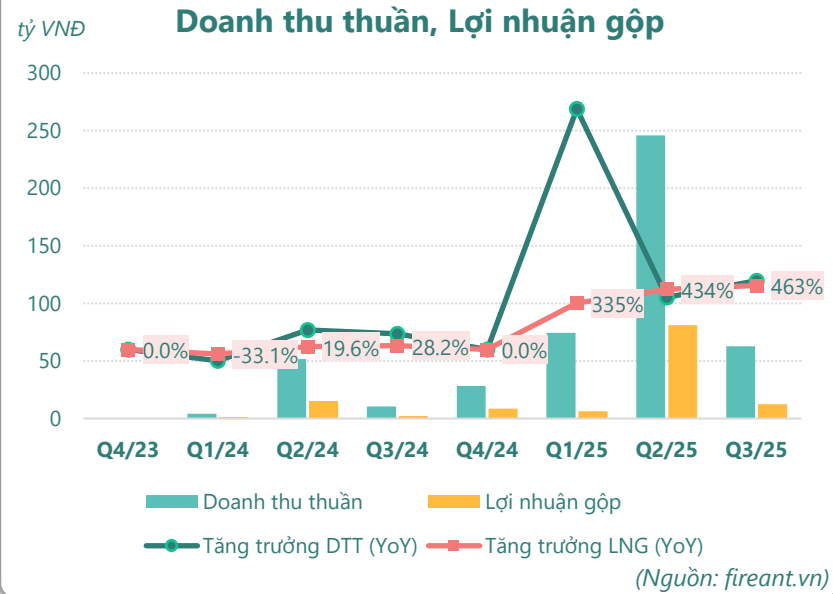
DT thuần 9T 2025
383
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 317 480%

LN thuần 9T 2025
86.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 80.8 1427%

LN sau thuế 9T 2025
34.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.5 1329%



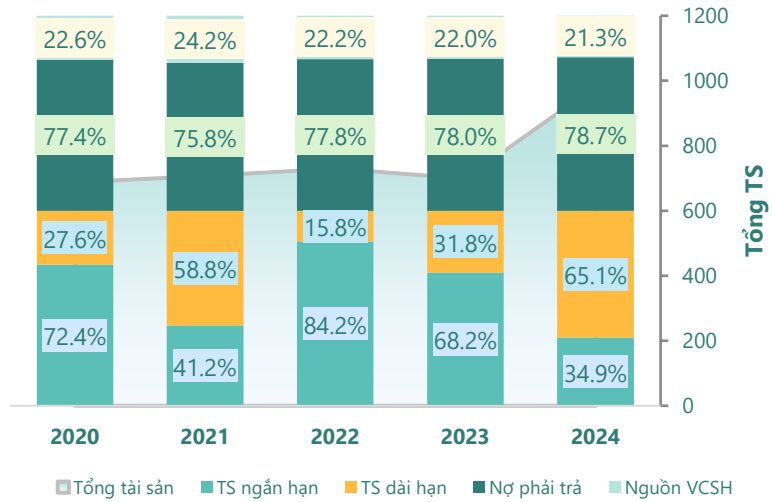
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

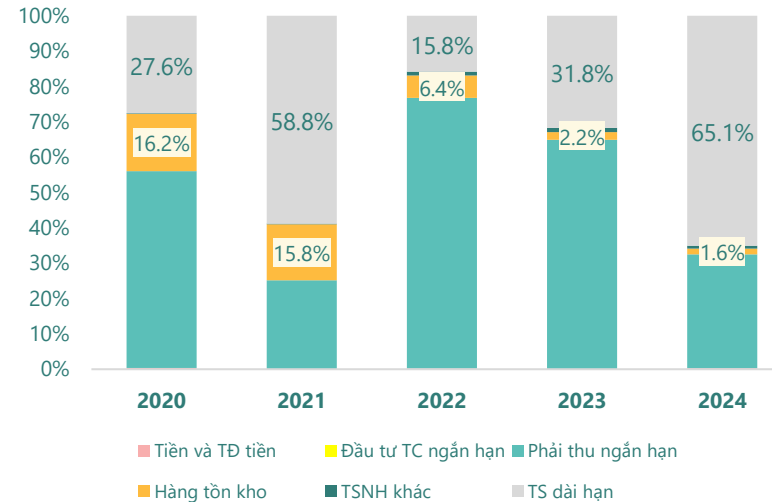
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

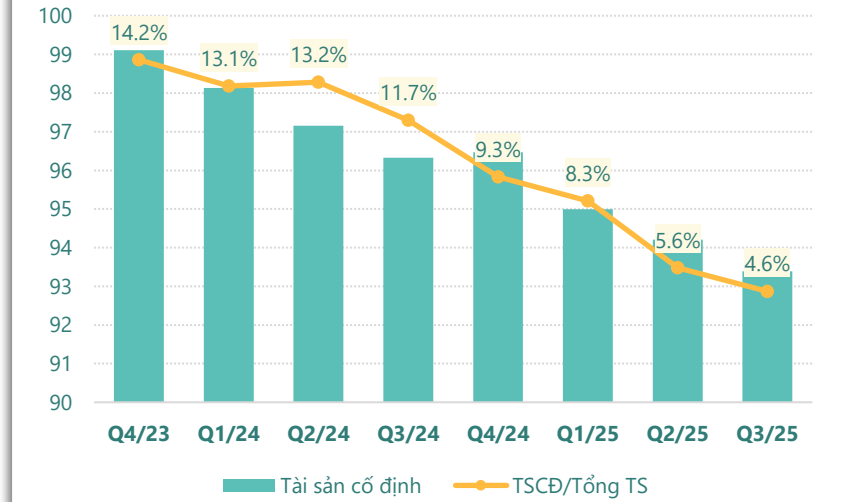
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

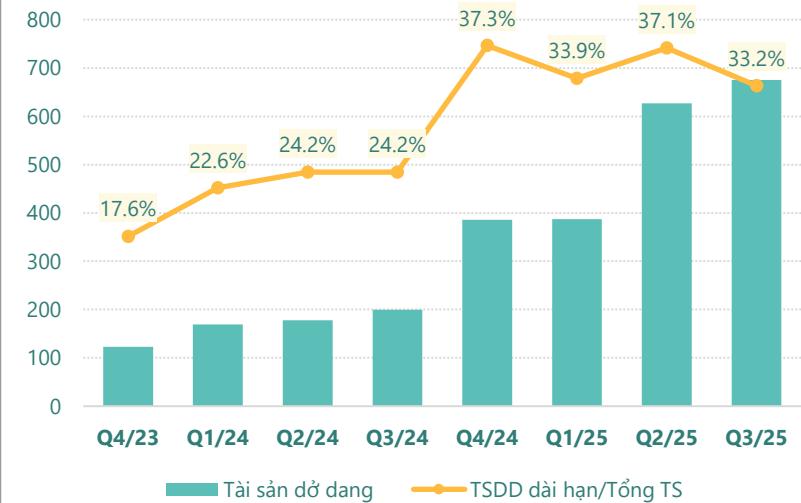
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

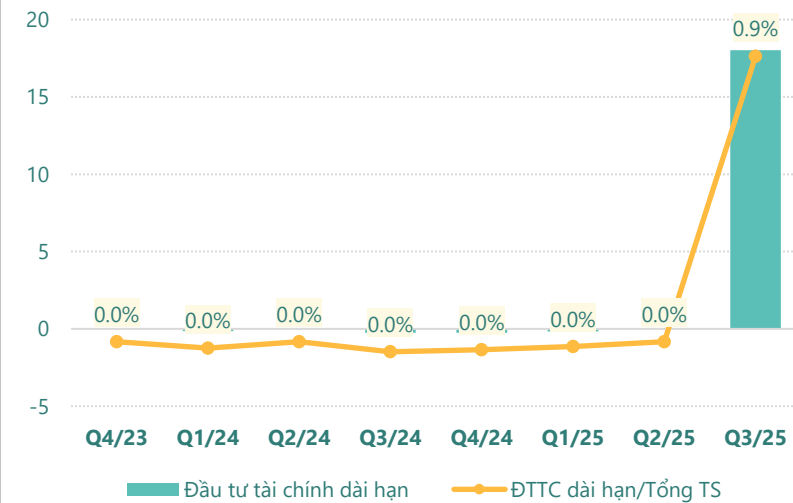
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

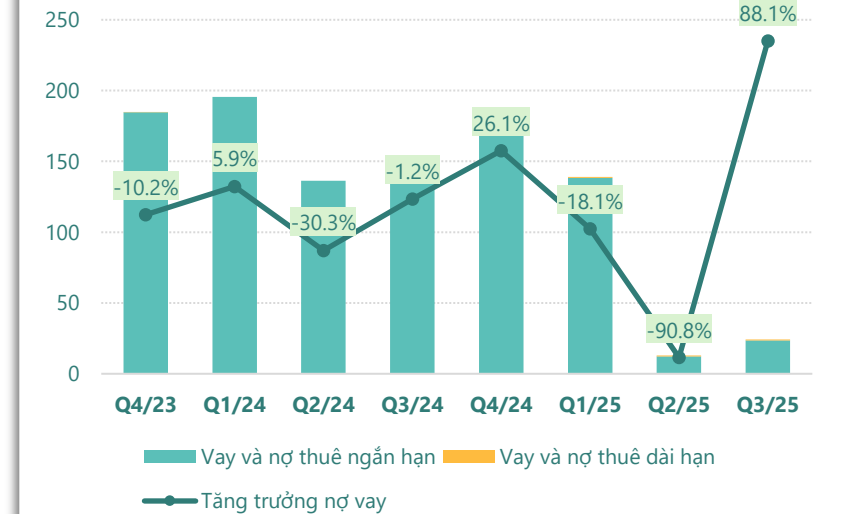
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

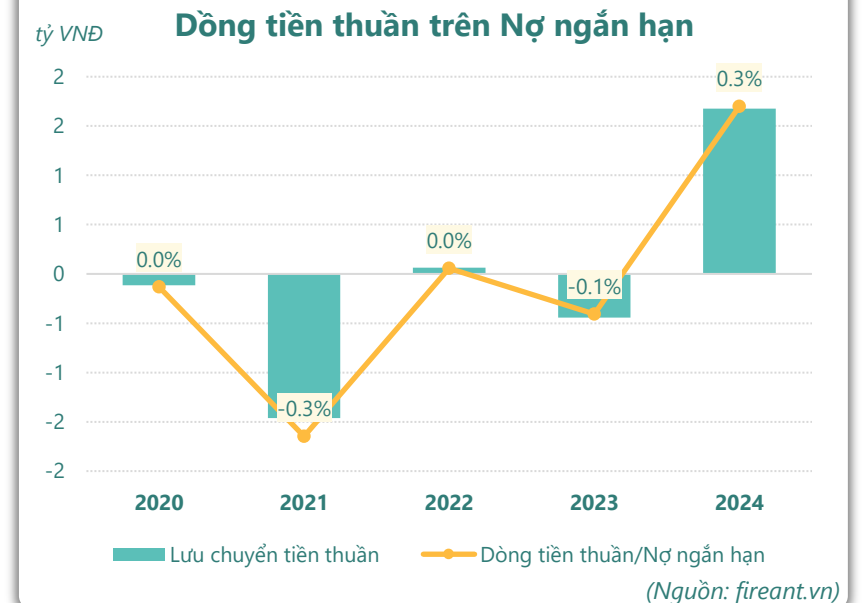
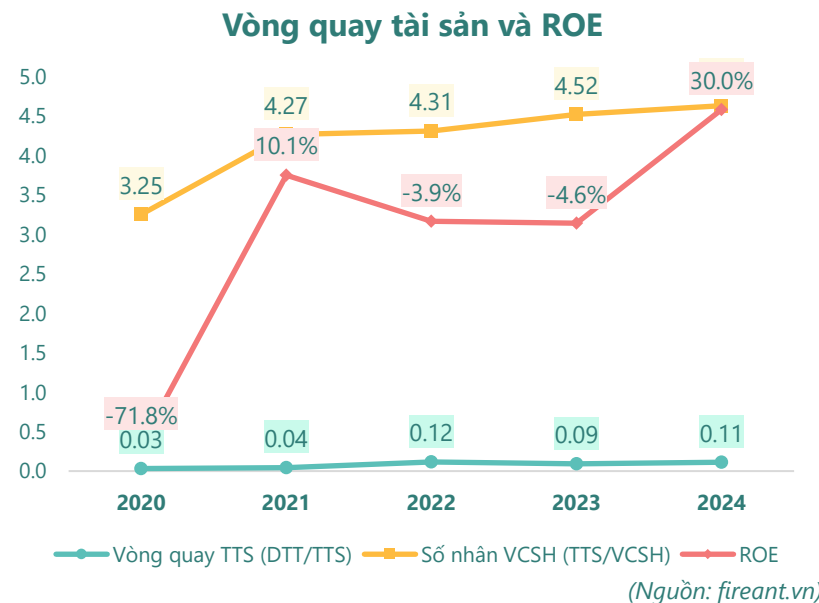
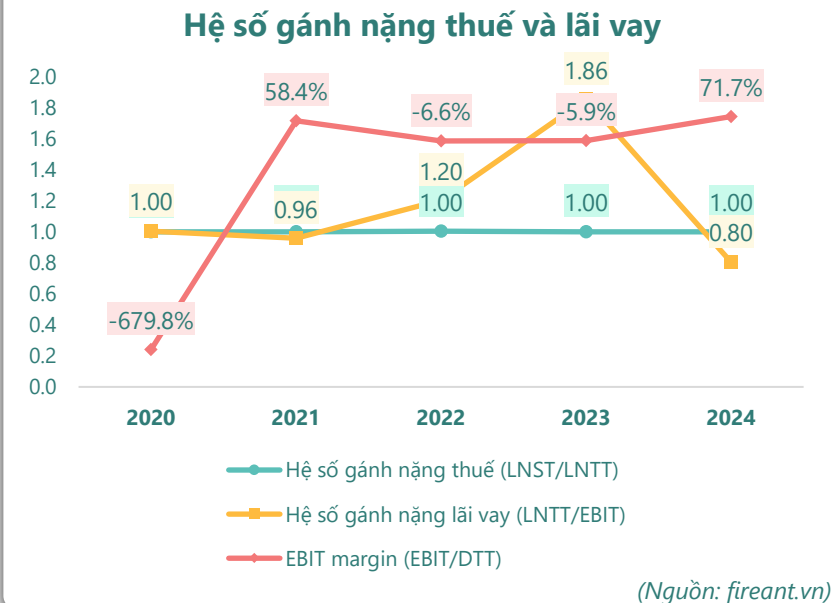
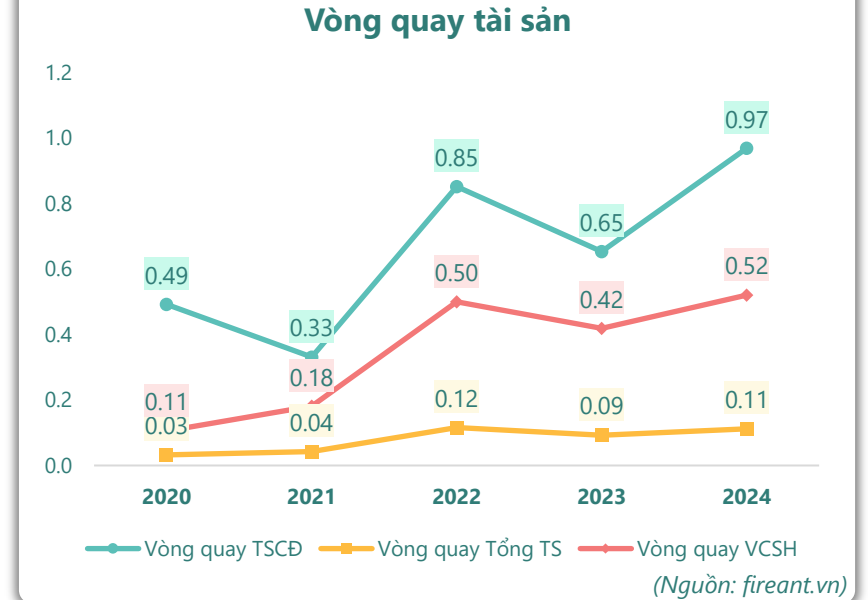
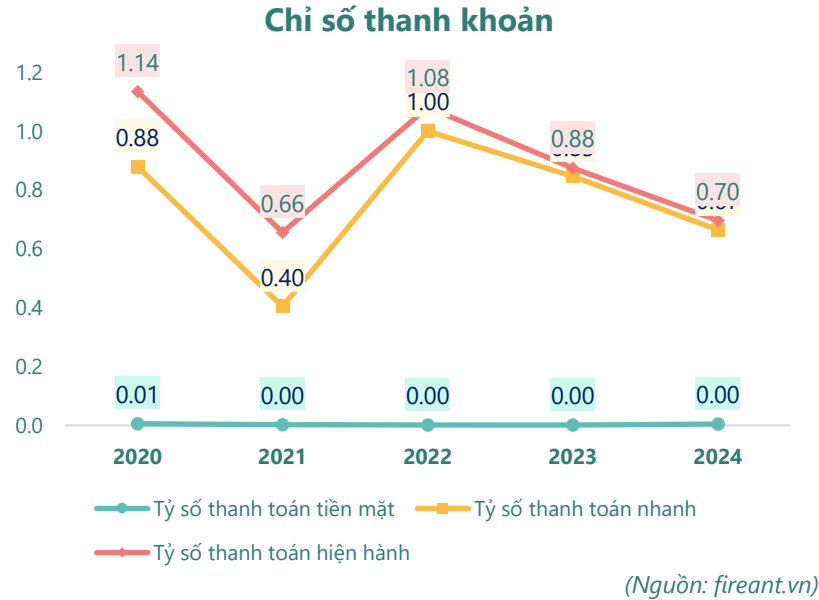
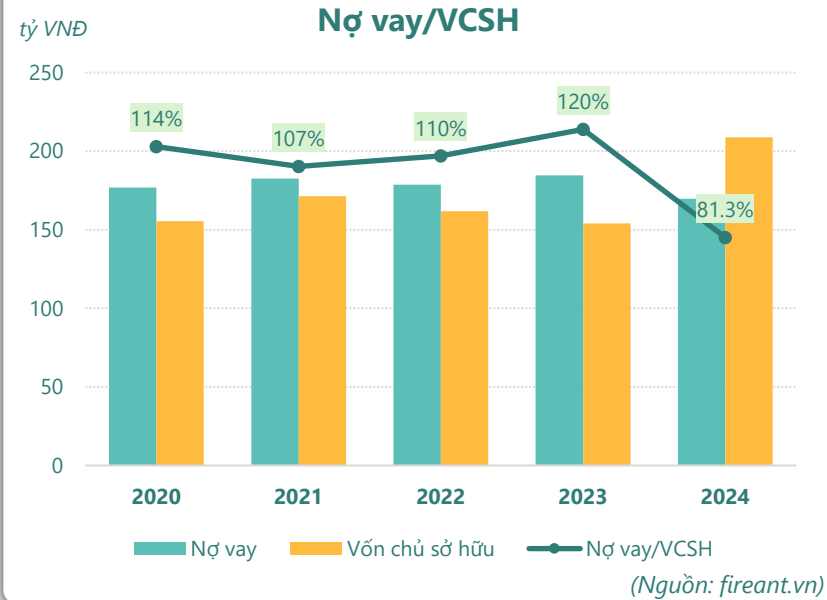
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.7	10.5	497%	383	66.0	480%
Giá vốn hàng bán	50.3	8.28	508%	283	47.2	500%
Lợi nhuận gộp	12.4	2.21	462%	99.7	18.8	430%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-38.5%	0.02	0.01	259%
Chi phí TC	0.06	0.05	20.7%	7.09	6.67	6.4%
Chi phí lãi vay	0.06	0.05	20.7%	7.04	6.66	5.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.09	0.05	89.5%	0.21	0.27	-21.3%
Chi phí QLDN	1.91	1.96	-2.5%	5.89	6.22	-5.3%
LN thuần từ HĐKD	10.4	0.15	6800%	86.5	5.67	1427%
Lợi nhuận khác	-0.54	1.03	-153%	-51.5	-3.20	-1508%
LN trước thuế	9.81	1.18	731%	35.0	2.46	1322%
Lợi nhuận sau thuế	9.81	1.18	731%	34.9	2.44	1329%
LNST của CĐ cty mẹ	9.63	1.12	760%	34.4	2.45	1302%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.6	-49.5	-35.4	-165	-46.6	210
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	-0.26	-0.06	0.01	192	-192
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.5	46.8	36.8	164	-126	-31.0
Tiền đầu kỳ	0.47	3.84	0.81	2.21	0.75	20.2
Lưu chuyển tiền thuần	3.37	-3.03	1.40	-1.46	19.4	-12.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.84	0.81	2.21	0.75	20.2	7.83

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,035	982	107%
Tài sản ngắn hạn	1,248	343	264%
Tiền và tương đương tiền	7.83	2.21	254%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,223	317	285%
Hàng tồn kho	9.49	15.5	-38.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.34	8.26	1.1%
Tài sản dài hạn	786	639	23.0%
Phải thu dài hạn	0	158	-100%
Tài sản cố định	93.4	95.9	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	675	386	75.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.02	389%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,725	774	123%
Nợ ngắn hạn	1,724	493	250%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	169	-86.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.3	90.9	-66.6%
Nợ dài hạn	0.63	281	-99.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.59	6.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	310	209	48.4%
Vốn chủ sở hữu	310	209	48.4%
Vốn điều lệ	510	315	61.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

